

TỔNG HỢP
CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023 SANG NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Đồng Ghi chú
	TỔNG CỘNG		140.110.807.086	
I	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn		26.868.616.493	
1	Số dự toán/ngân sách		13.946.948.493	
1.1	Nguồn ngân sách trung ương		13.016.000	
*	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		13.016.000	
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn huyện Yên Thế (10 nhà)	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	13.016.000	
1.2	Nguồn ngân sách cấp tỉnh			
1.3	Nguồn ngân sách huyện, thành phố		13.933.932.493	
*	Ngân sách huyện (thu tiền sử dụng đất 2023)		7.433.932.493	
-	Quy hoạch vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	295.904.000	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và Môi trường	230.974.000	
-	Điểm dân cư bản Đồn xã Canh Nậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	45.788.000	
-	Trạm y tế thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế; HM: Giải phòng mặt bằng	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	1.590.000	
-	Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bó Hạ (giáp trường THPT TT Bó Hạ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.859.676.493	
*	Ngân sách huyện (tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022 chuyển sang 2023)		6.500.000.000	
-	Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bó Hạ (giáp trường THPT TT Bó Hạ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.500.000.000	
2	Số dự tạm ứng chi đầu tư chưa thu hồi		12.921.668.000	
2.1	Nguồn ngân sách trung ương		2.037.759.000	
-	7989742 - Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Trảng Bán, Đồng Đăng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.733.478.000	
-	7989795 - Cải tạo, nâng cấp trường PTDTNT huyện Yên Thế; HM: Phòng ở NT cho HS NT, CTVS, nước sạch, nhà SH GDVH dân tộc, Phòng học thông thường & Phòng học BM; Các CT phụ trợ (tường bao, lát sân)	Ban QLDA ĐTXD huyện	304.281.000	
2.2	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung CMT		960.045.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	7960610 - Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	
-	7938735 - XD đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 292 huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	460.045.000	
2.3	Nguồn ngân sách huyện		9.923.864.000	
*	Ngân sách huyện (thu tiền sử dụng đất 2023)		3.038.223.000	
-	8061536 - Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và Môi trường	500.000.000	
-	7966153 - Trường THCS thị trấn Bó Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	Ban QLDA ĐTXD huyện	512.616.000	
-	7989723 - Xây dựng nhà hiệu bộ + Phòng chức năng + Sân, cổng, tường rào Trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	209.878.000	
-	8028698 - Xây mới 3 phòng học trường mầm non Đồng Vương	Ban QLDA ĐTXD huyện	100.000.000	
-	8028973 - Xây dựng 08 phòng chức năng, phòng học bộ môn trường tiểu học Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	120.000.000	
-	8028988 - Xây dựng 06 phòng học, chức năng trường THCS Đồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	334.331.000	
-	8040199 - Nhà đa năng trường THCS Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD huyện	100.000.000	
-	7962674 - Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD huyện	933.329.000	
-	7960609 - Xây dựng nhà lớp học Trung tâm chính trị huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	228.069.000	
*	Ngân sách huyện (tặng thu tiền sử dụng đất, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang 2023)		6.885.641.000	
-	8034635 - Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử QG đặc biệt những điểm khởi nghĩa Yên Thế; HM: GPMB mở rộng và xây dựng các HM phụ trợ Đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.754.720.000	
-	7921457 - XD 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	39.000.000	
-	8040298 - Xây dựng 12 phòng trường THCS Đồng Hưu, hạng mục: Giải phóng mặt bằng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD huyện	217.012.000	
-	7959978 - Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bản Chàm đi trung tâm xã Tam Tiến), huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	191.367.000	
-	7959987 - Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ), huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	600.000.000	
-	7960445 - Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (đoạn QL17 Công Xây - Ngã ba Đồng Tâm), huyện Yên Thế.	Ban QLDA ĐTXD huyện	291.798.000	
-	7960446 - Cải tạo, nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	476.831.000	
-	8035493 - Trạm y tế thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng	Ban QLDA ĐTXD huyện	24.230.000	
-	7960609 - Xây dựng nhà lớp học Trung tâm chính trị huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	180.000.000	
-	7916453 - XD 10 phòng học trường THCS Đông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	35.000.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	7902512 - CT, NC đường vòng tránh UBND huyện (đoạn từ cổng UBND huyện đi Tòa án)	Ban QLDA ĐTXD huyện	75.683.000	
II	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2023		1.481.355.000	
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng và số hóa kết quả giải quyết TTHC tại kho lưu trữ UBND huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	Phòng Nội vụ	1.481.355.000	
III	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội		76.397.022.658	
1	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương		76.397.022.658	
-	Dự toán đầu năm (kinh phí tiết kiệm chi 10% chi thường xuyên năm 2023)		10.658.000.000	
-	Nguồn năm trước chuyển sang		65.739.022.658	
IV	Kinh phí giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi		1.144.729.986	
1	Kinh phí tự chủ	Phòng Văn hóa và Thông tin	284.800	
2	Kinh phí tự chủ	Văn phòng HĐND&UBND huyện	2.034.400	
3	Kinh phí tự chủ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	36.000.000	
4	Kinh phí tự chủ	Phòng Lao động-TB&XH	16.311.987	
5	Kinh phí tự chủ	Hội Nông dân	75.636.900	
6	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Xuân Lương	34.408.449	
7	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Đồng Vương	63.398.900	
8	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Đồng Tiến	20.464.000	
9	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Tam Tiến	4.622.526	
10	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Tiến Thắng	6.861.730	
11	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non thị trấn Phồn Xương	8.343.000	
12	Kinh phí tự chủ	Trường mầm non Đông Sơn	7.879.000	
13	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Tân Hiệp	3.917.200	
14	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Hồng Kỳ	13.200.000	
15	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Đồng Lạc	2.695.500	
16	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non An Thượng	11.000.000	
17	Kinh phí tự chủ	Trường mầm non Tân Sỏi	8.029.700	
18	Kinh phí tự chủ	Trường mầm non thị trấn Bồ Hạ	11.484.100	
19	Kinh phí tự chủ (bậc tiểu học)	Trường TH và THCS Đồng Tâm	31.000	
20	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Tiến	5.201.601	
21	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học An Thượng	23.671.564	
22	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Hưu	3.000.000	
23	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Hương Vĩ	55.500.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
24	Kinh phí tự chủ (bậc tiểu học)	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Hiệp	55.492.424	
25	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Kỳ	38.874.622	
26	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Lạc	3.627.900	
27	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Tân Sỏi	10.817.000	
28	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Canh Nậu	12.806.000	
29	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Vương	43.394.047	
30	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Tam Hiệp	16.819.000	
31	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Tiến Thắng	1.239.500	
32	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Hồng Kỳ	55.266.000	
33	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đông Sơn	23.568.400	
34	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Xuân Lương	50.310.969	
35	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Huru	32.092.000	
36	Kinh phí tự chủ (bậc THCS)	Trường TH và THCS Đồng Tâm	10.707.000	
37	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Tiến	11.543.900	
38	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	15.404.900	
39	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Kỳ	17.940.650	
40	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Lạc	44.144.950	
41	Kinh phí tự chủ	Trường THCS TT Bó Hạ	38.929.000	
42	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đông Sơn	106.598.615	
43	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Vương	23.075.665	
44	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Tam Hiệp	7.615.400	
45	Kinh phí tự chủ	Trường THCS An Thượng	14.537.600	
46	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Xuân Lương	38.896.634	
47	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Canh Nậu	87.700	
48	Kinh phí tự chủ	Trường PT Dân tộc nội trú Yên Thế	5.070.753	
49	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Tam Tiến	51.893.000	
V	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2023, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc		5.487.735.000	
1	Kinh phí mua sắm, bổ sung trang thiết bị, phương tiện chuyên đối số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin	847.598.000	
2	Xây dựng 8 phòng học Trường MN Đồng Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	420.681.000	
3	Xây dựng 8 phòng học + phụ trợ Trường MN Tam Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	33.250.000	
4	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Đồng Lạc	202.500.000	
5	Mua sắm máy vi tính	Trường Tiểu học Đồng Huru	67.500.000	
6	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Đồng Vương	202.500.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
7	Knh phí mua sắm, tăng cường CSVC các trường học (khối MN)	Phòng Giáo dục và Đào tạo	589.880.000	
8	Knh phí mua sắm, tăng cường CSVC các trường học (khối tiểu học)	Phòng Giáo dục và Đào tạo	495.000.000	
9	Knh phí mua sắm, tăng cường CSVC các trường học (khối THCS)	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.980.826.000	
10	Mua sắm máy vi tính	Trường Tiểu học Tân sỏi	94.500.000	
11	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Xuân Lương	108.000.000	
12	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Canh Nậu	216.000.000	
13	Mua sắm máy vi tính	Trường Tiểu học TT Phồn Xương	202.500.000	
14	Mua sắm máy vi tính	Trường Mầm non Đồng Vương	27.000.000	
VI	Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện			
VI	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau		26.279.353.349	
1	Tăng thu		3.454.677.919	
1.1	Nguồn cân đối ngân sách		3.454.677.919	
a	Trích 70% thu kết dư ngân sách năm 2022 để thực hiện CCTL		44.543.100	
b	30% kết dư ngân sách năm 2022 bổ sung nguồn tăng lương, tăng biên chế kinh phí các nhiệm vụ phát sinh năm 2024		19.089.900	
c	Bổ sung nguồn chi đầu tư phát triển (từ nguồn thu nhân dân đóng góp Giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (m3))		1.890.000.000	
-	Dự kiến trả nợ đọng XD CD		1.890.000.000	
d	Thực hiện một số nhiệm vụ khác (từ nguồn tăng thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản khác)		1.501.044.919	
-	Chi hỗ trợ xăng xe ô tô thực hiện công tác, vận hành xe phun nước rửa đường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất và QLTTGTXD&MT	400.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu - Đông Sơn, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.101.044.919	
1.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
2	Tiết kiệm chi		22.824.675.430	
2.1	Nguồn cân đối NS huyện		19.280.862.100	
a	Phân bổ tiết kiệm chi SNGD		2.281.817.000	
-	Bổ sung nguồn tăng lương, tăng biên chế		2.281.817.000	
b	Bổ sung cho các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn một số nhiệm vụ phát sinh		4.497.181.000	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số	Phòng Dân tộc	250.000.000	
-	Bổ sung thêm kinh phí tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	Phòng Lao động-TB&XH	19.350.000	
-	Kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú	Trung tâm Y tế huyện	75.600.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí phô tô hồ sơ, tài liệu 02 đoàn thanh tra đột xuất; Hỗ trợ kinh phí đo đạc các tổ giải quyết đơn	Thanh tra huyện	33.460.000	
-	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung	Văn phòng HĐND&UBND huyện	1.360.000.000	
-	Hỗ trợ trang thiết bị thu gom rác cho các xã, thị trấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	200.000.000	
-	Kinh phí sửa chữa lò đốt rác khu xử lý rác thải thị trấn Bồ Hạ	Phòng Tài nguyên và Môi trường	321.000.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Tân Hiệp	153.667.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Kỳ	153.967.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Vương	161.676.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Tiến Thắng	156.990.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Tam Hiệp	134.369.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Xuân Lương	182.935.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Hưu	164.824.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Tiến	153.317.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Canh Nậu	184.425.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đông Sơn	218.553.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Hương Vĩ	149.002.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Hồng Kỳ	134.369.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Tâm	134.369.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã An Thượng	155.308.000	
c	Kinh phí tăng lương, tăng biên chế, các nhiệm vụ phát sinh năm 2024		1.980.910.100	
d	Dự kiến trả nợ đọng XD&CĐ; thực hiện một số chương trình, kế hoạch, đề án chưa bố trí dự toán đầu năm		10.520.954.000	
2.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất		3.543.813.330	
-	Hội nông dân: Hỗ trợ xây dựng quỹ nông dân	Hội Nông dân huyện	400.000.000	
-	Hỗ trợ hộ nghèo vay vốn (tạm tính 90 đối tượng)	Ngân hàng Chính sách xã hội huyện	1.700.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	800.000.000	
-	Kinh phí đo đạc, chính lý bản đồ địa chính các xã, thị trấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	643.813.330	
VII	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật (Các CT MTQG)		2.451.994.600	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2023	Phòng Văn hóa và Thông tin	815.207.500	
1.1	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Phòng Văn hóa và Thông tin	676.700	
-	Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt văn hóa dân gian -Tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể(2 lớp)	Phòng Văn hóa và Thông tin	126.700	
-	Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt văn hóa dân gian -Tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể (2 lớp)	Phòng Văn hóa và Thông tin	119.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mô hình văn hóa truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch...) - Khôi phục Lễ cấp sắc người Dao (Bản Bình Minh xã Đồng Vương, huyện Yên Thế)	Phòng Văn hóa và Thông tin	91.000	
-	Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số - Hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	Phòng Văn hóa và Thông tin	340.000	
1.2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị -Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi -Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10.048.000	
1.3	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em- Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	Hội Phụ nữ	48.987.000	
1.4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Hội Phụ nữ	224.123.000	
1.5	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Phòng Y tế	316.929.000	
1.6	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Phòng Lao động TB&XH	8.975.000	
1.7	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Phòng Dân tộc	963.000	
1.8	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Phòng Dân tộc	1.197.000	
1.9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Phòng Dân tộc	90.308.600	
1.10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Phòng Dân tộc	113.000.200	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		1.520.844.000	
2.1	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.535.000	
2.2	Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135 (Hỗ trợ PTSX - Đa dạng hóa sinh kế - Hỗ trợ mô hình bò cái sinh sản)	Phòng Nông nghiệp và PTNT	222.677.000	
2.3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1)-Dự án nuôi bò sinh sản	Phòng Nông nghiệp và PTNT	587.000.000	
2.4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Phòng Lao động TB&XH	18.412.000	
2.5	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Phòng Lao động TB&XH	472.369.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
2.6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình:	Phòng Lao động TB&XH	168.487.000	
2.7	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:	Phòng Lao động TB&XH	45.851.000	
2.8	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Phòng Lao động TB&XH	2.513.000	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM		115.943.100	
3.1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	Phòng Nông nghiệp và PTNT	58.641.000	
3.2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và PTNT	57.302.100	

TỔNG HỢP CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023 SANG NĂM 2024
(Các khoản được phép chuyển nguồn theo quy định)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đồng

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		113.831.453.737	
I	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn		26.868.616.493	
1	Số dư dự toán/ ngân sách		13.946.948.493	Thẩm quyền quyết định chuyển nguồn là HĐND tỉnh, UBND huyện đã có Tờ trình tổng hợp gửi UBND tỉnh Báo cáo HĐND tỉnh cho phép chuyển nguồn theo quy định
1.1	Nguồn ngân sách trung ương		13.016.000	
*	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		13.016.000	
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn huyện Yên Thế (10 nhà)	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	13.016.000	
1.2	Nguồn ngân sách cấp tỉnh			
1.3	Nguồn ngân sách huyện, thành phố		13.933.932.493	
*	Ngân sách huyện (thu tiền sử dụng đất 2023)		7.433.932.493	
-	Quy hoạch vùng huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 (tỷ lệ 1/25.000)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	295.904.000	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và Môi trường	230.974.000	
-	Điểm dân cư bản Đồn xã Canh Nậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	45.788.000	
-	Trạm y tế thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế; HM: Giải phòng mặt bằng	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXD MT	1.590.000	
-	Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bó Hạ (giáp trường THPT TT Bó Hạ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.859.676.493	
*	Ngân sách huyện (tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022 chuyển sang 2023)		6.500.000.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp trường THPT TT Bồ Hạ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.500.000.000	
2	Số dư tạm ứng chi đầu tư chưa thu hồi		12.921.668.000	
2.1	Nguồn ngân sách trung ương		2.037.759.000	
-	7989742 - Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Tràng Bản, Đồng Đăng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.733.478.000	
-	7989795 - Cải tạo, nâng cấp trường PTDTNT huyện Yên Thế; HM: Phòng ở NT cho HS NT, CTVS, nước sạch, nhà SH GDVH dân tộc, Phòng học thông thường & Phòng học BM; Các CT phụ trợ (tường bao, lát sân)	Ban QLDA ĐTXD huyện	304.281.000	
2.2	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung CMT		960.045.000	
-	7960610 - Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	500.000.000	
-	7938735 - XD đường nối tỉnh lộ 294 đi đường tỉnh 292 huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	460.045.000	
2.3	Nguồn ngân sách huyện		9.923.864.000	
*	Ngân sách huyện (thu tiền sử dụng đất 2023)		3.038.223.000	
-	8061536 - Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Thế	Phòng Tài nguyên và Môi trường	500.000.000	
-	7966153 - Trường THCS thị trấn Bồ Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	Ban QLDA ĐTXD huyện	512.616.000	
-	7989723 - Xây dựng nhà hiệu bộ + Phòng chức năng + Sân, công, tường rào Trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	209.878.000	
-	8028698 - Xây mới 3 phòng học trường mầm non Đồng Vương	Ban QLDA ĐTXD huyện	100.000.000	
-	8028973 - Xây dựng 08 phòng chức năng, phòng học bộ môn trường tiểu học Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	120.000.000	
-	8028988 - Xây dựng 06 phòng học, chức năng trường THCS Đồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	334.331.000	
-	8040199 - Nhà đa năng trường THCS Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD huyện	100.000.000	
-	7962674 - Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD huyện	933.329.000	
-	7960609 - Xây dựng nhà lớp học Trung tâm chính trị huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	228.069.000	
*	Ngân sách huyện (tăng thu tiền sử dụng đất, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang 2023)		6.885.641.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	8034635 - Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử QG đặc biệt những diềm khởi nghĩa Yên Thế; HM: GPMB mở rộng và xây dựng các HM phụ trợ Đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.754.720.000	
-	7921457 - XD 12 phòng học trường THCS Đồng Huru	Ban QLDA ĐTXD huyện	39.000.000	
-	8040298 - Xây dựng 12 phòng trường THCS Đồng Huru, hạng mục: Giải phóng mặt bằng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD huyện	217.012.000	
-	7959978 - Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trạng (đoạn từ QL 17 bản Chàm đi trung tâm xã Tam Tiến), huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	191.367.000	
-	7959987 - Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ), huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	600.000.000	
-	7960445 - Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (đoạn QL17 Công Xây - Ngã ba Đồng Tâm), huyện Yên Thế.	Ban QLDA ĐTXD huyện	291.798.000	
-	7960446 - Cải tạo, nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	476.831.000	
-	8035493 - Trạm y tế thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng	Ban QLDA ĐTXD huyện	24.230.000	
-	7960609 - Xây dựng nhà lớp học Trung tâm chính trị huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	180.000.000	
-	7916453 - XD 10 phòng học trường THCS Đông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	35.000.000	
-	7902512 - CT, NC đường vòng tránh UBND huyện (đoạn từ cổng UBND huyện đi Tòa án)	Ban QLDA ĐTXD huyện	75.683.000	
II	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2023		1.481.355.000	
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng và số hóa kết quả giải quyết TTHC tại kho lưu trữ UBND huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện	Phòng Nội vụ	1.481.355.000	
III	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội		76.397.022.658	
1	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương		76.397.022.658	
-	Nguồn năm trước chuyển sang		65.739.022.658	
-	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên đầu năm 2023		10.658.000.000	
IV	Kinh phí giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi		1.144.729.986	
1	Kinh phí tự chủ	Phòng Văn hóa và Thông tin	284.800	
2	Kinh phí tự chủ	Văn phòng HĐND&UBND huyện	2.034.400	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
3	Kinh phí tự chủ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	36.000.000	
4	Kinh phí tự chủ	Phòng Lao động-TB&XH	16.311.987	
5	Kinh phí tự chủ	Hội Nông dân	75.636.900	
6	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Xuân Lương	34.408.449	
7	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Đồng Vương	63.398.900	
8	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Đồng Tiến	20.464.000	
9	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Tam Tiến	4.622.526	
10	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Tiến Thắng	6.861.730	
11	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non thị trấn Phồn Xương	8.343.000	
12	Kinh phí tự chủ	Trường mầm non Đông Sơn	7.879.000	
13	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Tân Hiệp	3.917.200	
14	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Hồng Kỳ	13.200.000	
15	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non Đồng Lạc	2.695.500	
16	Kinh phí tự chủ	Trường Mầm non An Thượng	11.000.000	
17	Kinh phí tự chủ	Trường mầm non Tân Sỏi	8.029.700	
18	Kinh phí tự chủ	Trường mầm non thị trấn Bồ Hạ	11.484.100	
19	Kinh phí tự chủ (bậc tiểu học)	Trường TH và THCS Đồng Tâm	31.000	
20	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Tiến	5.201.601	
21	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học An Thượng	23.671.564	
22	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Hưu	3.000.000	
23	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Hương Vĩ	55.500.000	
24	Kinh phí tự chủ (bậc tiểu học)	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Hiệp	55.492.424	
25	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Kỳ	38.874.622	
26	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Lạc	3.627.900	
27	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Tân sỏi	10.817.000	
28	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Canh Nậu	12.806.000	
29	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đồng Vương	43.394.047	
30	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Tam Hiệp	16.819.000	
31	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Tiến Thắng	1.239.500	
32	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Hồng Kỳ	55.266.000	
33	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Đông Sơn	23.568.400	
34	Kinh phí tự chủ	Trường Tiểu học Xuân Lương	50.310.969	
35	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Hưu	32.092.000	
36	Kinh phí tự chủ (bậc THCS)	Trường TH và THCS Đồng Tâm	10.707.000	
37	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Tiến	11.543.900	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
38	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	15.404.900	
39	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Kỳ	17.940.650	
40	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Lạc	44.144.950	
41	Kinh phí tự chủ	Trường THCS TT Bó Hạ	38.929.000	
42	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đông Sơn	106.598.615	
43	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Đồng Vương	23.075.665	
44	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Tam Hiệp	7.615.400	
45	Kinh phí tự chủ	Trường THCS An Thượng	14.537.600	
46	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Xuân Lương	38.896.634	
47	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Canh Nậu	87.700	
48	Kinh phí tự chủ	Trường PT Dân tộc nội trú Yên Thế	5.070.753	
49	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Tam Tiến	51.893.000	
V	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2023, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc		5.487.735.000	
1	Kinh phí mua sắm, bổ sung trang thiết bị, phương tiện chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin	847.598.000	
2	Xây dựng 8 phòng học Trường MN Đồng Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	420.681.000	
3	Xây dựng 8 phòng học + phụ trợ Trường MN Tam Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	33.250.000	
4	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Đồng Lạc	202.500.000	
5	Mua sắm máy vi tính	Trường Tiểu học Đồng Hưu	67.500.000	
6	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Đồng Vương	202.500.000	
7	Kinh phí mua sắm, tăng cường CSVC các trường học (khối MN)	Phòng Giáo dục và Đào tạo	589.880.000	
8	Kinh phí mua sắm, tăng cường CSVC các trường học (khối tiểu học)	Phòng Giáo dục và Đào tạo	495.000.000	
9	Kinh phí mua sắm, tăng cường CSVC các trường học (khối THCS)	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.980.826.000	
10	Mua sắm máy vi tính	Trường Tiểu học Tân sỏi	94.500.000	
11	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Xuân Lương	108.000.000	
12	Mua sắm máy vi tính	Trường THCS Canh Nậu	216.000.000	
13	Mua sắm máy vi tính	Trường Tiểu học TT Phồn Xương	202.500.000	
14	Mua sắm máy vi tính	Trường Mầm non Đồng Vương	27.000.000	
VI	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật (Các CT MTQG)		2.451.994.600	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2023	Phòng Văn hóa và Thông tin	815.207.500	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1.1	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Phòng Văn hóa và Thông tin	676.700	
-	Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt văn hóa dân gian -Tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể(2 lớp)	Phòng Văn hóa và Thông tin	126.700	
-	Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, sinh hoạt văn hóa dân gian -Tập huấn, bồi dưỡng, truyền dạy văn hóa phi vật thể(2 lớp)	Phòng Văn hóa và Thông tin	119.000	
-	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mô hình văn hóa truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch...)-Khôi phục Lễ cấp sắc người Dao (Bản Bình Minh xã Đồng Vương, huyện Yên Thế)	Phòng Văn hóa và Thông tin	91.000	
-	Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số - Hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	Phòng Văn hóa và Thông tin	340.000	
1.2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị -Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi -Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10.048.000	
1.3	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em- Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	Hội Phụ nữ	48.987.000	
1.4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Hội Phụ nữ	224.123.000	
1.5	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Phòng Y tế	316.929.000	
1.6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu - Đông Sơn, huyện Yên Thế	Phòng Lao động TB&XH	8.975.000	
1.7	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Phòng Dân tộc	963.000	
1.8	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Phòng Dân tộc	1.197.000	
1.9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Phòng Dân tộc	90.308.600	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1.10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Phòng Dân tộc	113.000.200	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		1.520.844.000	
2.1	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	Phòng Văn hóa và Thông tin	3.535.000	
2.2	Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài CT 30a và CT 135 (Hỗ trợ PTSX - Đa dạng hóa sinh kế - Hỗ trợ mô hình bò cái sinh sản)	Phòng Nông nghiệp và PTNT	222.677.000	
2.3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1)-Dự án nuôi bò sinh sản	Phòng Nông nghiệp và PTNT	587.000.000	
2.4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Phòng Lao động TB&XH	18.412.000	
2.5	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	Phòng Lao động TB&XH	472.369.000	
2.6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình:	Phòng Lao động TB&XH	168.487.000	
2.7	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:	Phòng Lao động TB&XH	45.851.000	
2.8	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Phòng Lao động TB&XH	2.513.000	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM		115.943.100	
3.1	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	Phòng Nông nghiệp và PTNT	58.641.000	
3.2	NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và PTNT	57.302.100	

PHƯƠNG ÁN**SỬ DỤNG CÁC KHOẢN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 59 LUẬT NSNN***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)*

				Đồng
Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
I	Phương án sử dụng các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau		26.279.353.349	
1	Phương án sử dụng tăng thu		3.454.677.919	
1.1	Nguồn cân đối ngân sách		3.454.677.919	
a	70% kết dư ngân sách năm 2022 dành nguồn thực hiện CCTL		44.543.100	
b	30% kết dư ngân sách năm 2022 bổ sung nguồn tăng lương, tăng biên chế kinh phí các nhiệm vụ phát sinh năm 2024		19.089.900	
c	Bổ sung nguồn chi đầu tư phát triển (từ nguồn thu nhân dân đóng góp Giá trị nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (m3))		1.890.000.000	
-	Dự kiến trả nợ đọng XD CD		1.890.000.000	
d	Thực hiện một số nhiệm vụ khác (từ nguồn tăng thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản khác)		1.501.044.919	
-	Chi hỗ trợ xăng xe ô tô thực hiện công tác, vận hành xe phun nước rửa đường	Trung tâm Phát triển Quỹ đất và QLTTGTXD&MT	400.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu - Đồng Sơn, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.101.044.919	
1.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
2	Phương án sử dụng các khoản tiết kiệm chi		22.824.675.430	
2.1	Nguồn cân đối NS huyện		19.280.862.100	
a	Phân bổ tiết kiệm chi SNGD		2.281.817.000	
-	Bổ sung nguồn tăng lương, tăng biên chế		2.281.817.000	
b	Bổ sung cho các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn một số nhiệm vụ phát sinh		4.497.181.000	
-	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung	Văn phòng HĐND&UBND huyện	1.360.000.000	
-	Bổ sung thêm kinh phí tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	Phòng Lao động-TB&XH	19.350.000	
-	Kinh phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú	Trung tâm Y tế huyện	75.600.000	

Số TT	Nội dung	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí phô tô hồ sơ, tài liệu 02 đoàn thanh tra đột xuất; Hỗ trợ kinh phí đo đạc các tổ giải quyết đơn	Thanh tra huyện	33.460.000	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số	Phòng Dân tộc	250.000.000	
-	Hỗ trợ trang thiết bị thu gom rác cho các xã, thị trấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	200.000.000	
-	Kinh phí sửa chữa lò đốt rác khu xử lý rác thải thị trấn Bồ Hạ	Phòng Tài nguyên và Môi trường	321.000.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Tân Hiệp	153.667.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Kỳ	153.967.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Vương	161.676.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Tiến Thắng	156.990.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Tam Hiệp	134.369.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Xuân Lương	182.935.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Hữu	164.824.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Tiến	153.317.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Canh Nậu	184.425.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đông Sơn	218.553.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Hương Vĩ	149.002.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Hồng Kỳ	134.369.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã Đồng Tâm	134.369.000	
-	Chi hỗ trợ điều chỉnh quy hoạch NTM	UBND xã An Thượng	155.308.000	
c	Bổ sung nguồn tăng lương, tăng biên chế kinh phí các nhiệm vụ phát sinh năm 2024		1.980.910.100	
d	Dự kiến trả nợ đọng XDCĐ; thực hiện một số chương trình, kế hoạch, đề án chưa bố trí dự toán đầu năm		10.520.954.000	
2.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất		3.543.813.330	
-	Hội nông dân: Hỗ trợ xây dựng quỹ nông dân	Hội nông dân huyện	400.000.000	
-	Hỗ trợ hộ nghèo vay vốn (tạm tính 90 đối tượng)	Ngân hàng Chính sách xã hội huyện	1.700.000.000	
-	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	800.000.000	
-	Kinh phí đo đạc, chính lý bản đồ địa chính các xã, thị trấn	Phòng Tài nguyên và Môi trường	643.813.330	